

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 29 – 4 – 2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Duy P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A3/081, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Bá N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 595 tổ 18, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P, anh N đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Duy P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N quen biết tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 02 năm và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/03/2012. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng tại xã B, huyện T (nay là khu phố T, thị trấn D) cụ thể nay là 595 tổ 18, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, thời gian này gia đình chồng gồm có mẹ chồng là bà Nguyễn Thị L, em chồng là Trần Bá A và em dâu là Lê Thị Ngọc P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng được khoảng gần hai năm sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị P cảm thấy không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Anh N là người đàn ông không biết lo cho gia đình ăn chơi nhậu nhẹt bê tha, một mình chị phải đi làm nuôi con, anh N không chu cấp nuôi con từ khi con sinh ra đến nay, một mình chị lo cho con đến giờ, chị cảm thấy ngột ngạt và khó thở trong quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng. Chị đã cho anh N rất nhiều cơ hội để thay đổi, sống lo cho gia đình nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, thêm vào đó anh N không có công việc ổn định nên mọi chuyện trong gia đình đều do chị lo liệu.

Khoảng từ tháng 12/2014 hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, chị về sống tại nhà cha mẹ đẻ tại địa chỉ số A3/081, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, còn anh N vẫn sống tại địa chỉ số 595, tổ 18, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống, chị cảm thấy cuộc sống nuôi con một mình thoải mái hơn rất nhiều, từ khi hai vợ chồng ly thân anh N ít khi lên thăm con, năm được 01 – 02 lần, không có chu cấp nuôi con mà chỉ thỉnh thoảng mua đồ ăn, cho con vài trăm nghìn, khi chồng qua lại thăm con thì hai vợ chồng cũng không qua lại hỏi han nhau mà chỉ vì trách nhiệm với con cái, từ khi ly thân thì chị cũng không còn qua lại nhiều với gia đình chồng, thỉnh thoảng tết hay dịp lễ quan trọng thì chị có đưa con về chúc tết ông bà nội, tuy nhiên cũng không thường xuyên. Nhiều lần chị đã đề nghị ly hôn với chồng nhưng anh N vẫn không đồng ý. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tích cực hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Bá N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Trần Mai Như T, sinh ngày 01/10/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, do chị không biết tình hình kinh tế hiện tại của anh N và chị có đủ điều kiện kinh tế để chăm lo cho con nên chị không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại chị làm công nhân tại Công ty FULLWAY tại khu công nghiệp Long Khánh, chị làm ổn định tại đây đã hơn năm, thời gian trước đó chị làm tại công ty Đông P tại khu công nghiệp Sông Mây ở Bắc Sơn, Trảng Bom hơn 09 năm, do đề tiện đi lại chị chuyển về Long Khánh, hiện tại thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7-8.000.000đ. Ngoài ra chị có gia đình phụ giúp việc trông nom và đưa con đi học. Hiện tại cháu đang là học sinh lớp 4 trường tiểu học L tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, chị và con đang sống cùng ông bà ngoại tại số A3/081, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, ông bà ngoại đã lớn tuổi nghỉ hưu nên có nhiều thời gian phụ giúp cho chị trong việc chăm sóc bé.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Trần Bá N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 01/4/2022 nguyên đơn có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Duy P được ly hôn với anh Trần Bá N.

Về con chung: Giao cháu Trần Mai Như T, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Bá N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Duy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Trần Bá N hiện đang cư trú tại số 595, tổ 18, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng

Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Duy P và anh Trần Bá N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/03/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị P, anh N là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị P và anh N đã để xảy ra mâu thuẫn sau 02 năm chung sống, đến năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vào khoảng tháng 12/2014 hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Theo nguyên đơn, chị P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh N đều vắng mặt, anh N cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị P, anh N đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng chị P, anh N chung sống có 01 (một) con chung là cháu Trần Mai Như T, sinh ngày 01/10/2012.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Trần Mai Như T, nhận thấy: quá trình vợ chồng chị P anh N xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu T do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh N chỉ thỉnh thoảng đến thăm. Chị P có nghề nghiệp ổn định, hiện làm công nhân thu nhập bình quân từ 7 đến 8 triệu/tháng. Ngoài ra còn có cha mẹ để phụ giúp về tài chính và thời gian để đưa đón cháu đi học, chị P có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để tiếp tục chăm lo cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của

con trẻ cần tiếp tục giao cháu Trần Mai Như T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P và anh N đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Duy P về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, Chị Nguyễn Duy P được ly hôn với anh Trần Bá N.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Mai Như T, sinh ngày sinh ngày 01/10/2012 cho chị Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Bá N do chị Nguyễn Duy P không yêu cầu.

Anh Trần Bá N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Duy P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003330 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Duy P và anh Trần Bá N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã B, huyện T, Đồng Nai (số ĐKKH 36 quyền số 01/2012 ngày 08/03/2012);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đào Thị Kiều Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhac 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhac 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thơm:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thom.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bù 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí

sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA